TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST Ngày: 22 - 12 - 2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô
Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22/12/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1994; Số CCCD:, nơi cấp: Bộ công an, ngày cấp 06/07/2025; Địa chỉ: Thôn X, xã N, thành phố Hải Phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:*Anh Bùi Văn Tr, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1991; Số CCCD:, nơi cấp:……, ngày cấp …/…/…; Địa chỉ ĐKHKTT: Thôn X, xã N, thành phố Hải Phòng. Hiện anh Tr đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Đều có địa chỉ: Thôn X, xã N, thành phố Hải Phòng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống và làm việc tại thành phố Hải Dương (cũ) cho đến tháng 5 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, đôi bên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó, chị Ph đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn X, xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, còn anh Tr đi đâu chị không nắm được. Tháng 01 năm 2018 chị Ph sang Nhật Bản làm ăn đến tháng 6 năm 2025 thì về nước hẳn, chị

có nghe gia đình anh Tr nói, anh Tr đã sang Đài Loan làm ăn và cũng có nguyện vọng được ly hôn với chị Ph. Do vậy, nay chị xác định tình cảm giữa đôi bên thực sự không còn, khả năng đoàn tụ không có, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Tr.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 07/10/2025 của anh Bùi Văn Tr (do bố mẹ đẻ anh Tr là ông Th, bà L giao nộp cho Toà án) xác định như sau : Anh Tr và chị Nguyễn Thị Ph tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/11/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, đôi bên thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung. Hiện anh đang lao động tại Đài Loan không có địa chỉ cụ thể, đôi bên đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế kể từ năm 2014 cho đến nay. Do vậy, nay chị Ph xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh nhất trí và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, mọi giấy tờ, văn bản tố tụng anh đề nghị Tòa án giao cho mẹ anh (bà Nguyễn Thị L), để bà L có trách nhiệm thông báo cho anh biết theo quy định.

Về con chung: Chị Ph và anh Tr có 01 con chung là cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 09/5/2013. Hiện cháu Tng đang ở cùng với ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ anh Tr) từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị Ph đề nghị Toà án giải quyết cho anh Tr được tiếp tục nuôi cháu Tng đến khi đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh Tr nhất trí và tự nguyện không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng tiền nuôi cháu Tng. Cháu Tng cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng với anh Tr. Bố mẹ anh Tr đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tng cho đến khi anh Tr trở về.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị Ph và anh Tr không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của anh Tr) thể hiện: Anh Bùi Văn Tr và chị Nguyễn Thị Ph đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2012, được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới anh Tr và chị Ph ở chung cùng vợ chồng ông bà được ba tháng, thì anh chị đã ra ngoài thuê phòng trọ tại Hải Dương để làm ăn, cho đến tháng 5/2014 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do kinh tế vợ chồng khó khăn, bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng không còn có tiếng nói chung, nên chị Ph đã về nhà mẹ đẻ cùng thôn ở, anh Tr cũng bỏ đi làm ăn từ đó. Cho đến năm 2019, anh Tr đã thông tin về gia đình và cho biết anh đã sang Đài Loan làm ăn, anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Tr có trao đổi với gia đình bảo chị Ph đi lấy chồng. Bản thân gia đình không mong muốn, nhưng kể từ đó cho đến nay quan hệ vợ chồng anh Tr vẫn không được cải thiện. Nay chị Ph làm đơn xin ly hôn, ông bà có thông tin cho anh Tr biết, nhưng do điều kiện làm ăn ở xa, không thể về được nên anh Tr đề nghị TAND khu vực 10-Hải Phòng giải quyết vắng mặt anh theo

quy định. Nên ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nội dung như đã nêu để sớm ổn định cuộc sống cho các bên.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Xen (mẹ đẻ của chị Ph) xác định: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Bùi Văn Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/11/2012 trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới chị Ph về nhà anh Tr ở cùng thôn ở, sau đó anh chị ra ngoài thuê phòng trọ tại Hải Dương để làm ăn, cho đến tháng 5/2014 thì chị Ph và anh Tr đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tr chơi bời, không chịu khó làm ăn dẫn đến nợ nần, vợ chồng va chạm không còn tiếng nói chung, nên chị Ph đã bỏ về nhà bà ở, còn anh Tr cũng bỏ đi làm ăn từ đó. Nay chị Ph xin ly hôn, bà đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định. Về con chung và tài sản chung, bà nhất trí theo quan điểm đề nghị của chị Ph.

Tại Biên bản xác minh tại UBND xã N, thành phố Hải Phòng xác định: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Bùi Văn Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 26/11/2012. Cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 09/5/2013 là con của anh chị. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Nay chị Ph đề nghị Toà án giải quyết ly hôn và quan hệ con chung, gia đình anh Tr nhất trí thì địa phương đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh với Phó Trưởng thôn X, xã N, thành phố Hải Phòng thể hiện : Chị Nguyễn Thị Ph và anh Bùi Văn Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng) vào năm 2012. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Khoảng 02 năm sau khi kết hôn thì anh Tr đi nước ngoài (Đài Loan) để làm ăn. Cùng thời điểm đó, chị Ph cũng đi Nhật Bản xuất khẩu lao động. Hiện nay chị Ph đã về nước còn anh Tr vẫn đang ở Đài Loan. Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 09/5/2013. Hiện cháu Tng đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh Tr. Nay chị Ph đề nghị Toà án giải quyết ly hôn và quan hệ con chung với anh Tr thì địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành tra cứu, tại Công văn số 3376/XNC-Đ1 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an TP Hải Phòng cung cấp: Anh Bùi Văn Tr, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1991; CCCD số, ngày 12/10/2020 đương sự xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu số …… qua cửa khẩu Nội Bài, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Đại diện VKSND khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với các đương sự cơ bản đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ph được ly hôn anh Tr. Về con chung: Giao con chung cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 09/5/2013 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Tng cho ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của anh Tr) nuôi dưỡng trong thời gian anh Tr vắng mặt.

Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: chị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Ph đối với anh Bùi Văn Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn X, xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Thôn X, xã N, thành phố Hải Phòng). Qua tra cứu xác định anh Tr có thông tin xuất cảnh ra nước ngoài bằng hộ chiếu số C9329619 qua cửa khẩu Nội Bài, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định đối với anh Bùi Văn Tr, các bên đương sự cũng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng thụ lý và xét xử vắng mặt chị Ph và anh Tr là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ph kết hôn cùng anh Bùi Văn Tr trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị Ph đề nghị xin ly hôn anh Tr, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nay chị Ph xin ly hôn, anh Tr cũng xác định tình cảm giữa hai bên thực sự không còn, các bên đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Những điều đó, chứng tỏ quan

hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn anh Bùi Văn Tr là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ph và anh Tr có 01 con chung là cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 09/5/2013. Hiện cháu Tng đang do ông Th, bà L (là bố mẹ đẻ của anh Tr) trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, xét nguyện vọng yêu cầu nuôi dưỡng con chung của các bên, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng hiện nay, nên cần chấp nhận giao cháu Tng cho anh Tr nuôi dưỡng, trong thời gian anh Tr còn đang lao động tại nước ngoài, tạm giao cháu Tng cho ông Th, bà L (bố mẹ đẻ anh Tr) trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cho cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ph phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,122 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ph và anh Bùi Văn Tr được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Mai T, sinh ngày 09/5/2013 cho anh Bùi Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm giao cháu Tng cho ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ đẻ của anh Tr) nuôi dưỡng trong thời gian anh Tr vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số:0002826 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Ph đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ph được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, anh Bùi Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (người được ủy quyền: Trưởng phòng Phòng THADS khu vực 10 - Hải Phòng);
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn *(UBND xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nay là UBND xã N, thành phố Hải Phòng, số 71, quyển số 01/2012);*
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền